

Số: 576/2024/QĐST-HNGĐ

Hoài Đức, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 549/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1990; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T xác nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung, gồm: Nguyễn Phương V, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Đức M1, sinh ngày 18/3/2015.

Ly hôn, chị M và anh T thỏa thuận, thống nhất:

Giao cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Đức M1, sinh ngày 18/3/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ khi có quyết định ly hôn cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2.2 Về tài sản chung, nhà ở sau khi ly hôn, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3 Về các nội dung khác:

Ghi nhận anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, chị M cấp dưỡng nuôi con chung theo khả năng. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng con chung cho chị M cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.4 Về án phí:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Tuyết M chịu cả số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp, trả lại chị M số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án kí hiệu BLTU/23 số 0038754 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- UBND xã Đắc Sở, huyện Hoài Đức, Hà Nội
(GCN kết hôn số 44/2011, ngày 21/11/2011)
- Lưu VP, HS.

THẨM PHÁN

Vương Thị Vân Anh